

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-ST
Ngày: 05-01-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga
2. Bà Nguyễn Ngọc Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 484/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 241/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2021 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 02/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ trợ vốn X – H Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở: phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông **Trần Ngọc H**; Địa chỉ: phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Võ Trần Ngọc T**, sinh năm: 1979; Địa chỉ: thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 14/UQ-GĐ ngày 02/7/2020). (có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Bạch T**, sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Đỗ Trần Minh T1**, sinh năm: 1994; Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 7 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Quỹ trợ vốn X – H Thành phố Hồ Chí Minh có ông Võ Trần Ngọc T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 17/7/2015, Quỹ trợ vốn X – H Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Quỹ CCM) – Chi nhánh B đã ký hợp đồng liên kết số 040/2015/HĐLK-BC với Hội phụ nữ xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để làm Cấp liên nhiệm cho Quỹ trợ vốn X – H – Chi nhánh B. Mục đích là hỗ trợ vốn cho các hộ dân thuộc Hội phụ nữ xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, mua bán nhà,... theo sự giới thiệu và đề nghị của Cấp liên nhiệm. Thông qua Hợp đồng liên kết, Quỹ CCM – Chi nhánh B đã tiến hành trợ vốn cho 76 thành viên vào ngày 27/9/2019, phương thức trợ vốn: góp hàng tháng, thời hạn trợ vốn: 12 tháng, phí trợ vốn: 0,65%/tháng (phí này dùng trang trải chi phí hoạt động nội bộ của Quỹ CCM, phí hoa hồng cho Cấp liên nhiệm: 0,15%/tháng (phí này để Cấp liên nhiệm trang trải các chi phí phục vụ cho quá trình thu hồi vốn phí, tiết kiệm cho Quỹ CCM), tiết kiệm bắt buộc là: 1,0%/tháng (khoản tiết kiệm này được hoàn trả cho thành viên xin trợ vốn khi hoàn tất hợp đồng vay vốn và Quỹ CCM không trả lãi tiết kiệm trên số dư tiết kiệm này). Trong đợt trợ vốn ngày 27/9/2019, bà Trần Thị Bạch T đã làm đơn xin trợ vốn và được duyệt trợ vốn số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Theo kế hoạch thì bà phải góp hàng tháng là 3.100.000 đồng trong 11 tháng đầu, tháng cuối góp 2.380.000 đồng và góp đều cho đến ngày hết hạn hợp đồng là ngày 27/9/2020. Tổng số tiền bà T phải thanh toán cho Quỹ CCM là 36.480.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng), cụ thể như sau:

- Vốn: 30.000.000 đồng.
- Lãi (phí): $30.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} \times (0,65\% + 0,15\%) = 2.880.000 \text{ đồng}$.
- Tiền tiết kiệm: $30.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} \times 1\% = 3.600.000 \text{ đồng}$.

Tại đơn đề nghị trợ vốn của bà T có ông Đỗ Trần Minh T1 là con của bà T cam kết trả thay cho bà T nếu bà T không thực hiện đúng cam kết hoàn trả vốn, phí cho Quỹ CCM. Sau khi nhận trợ vốn từ Quỹ CCM, bà T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ hoàn trả vốn, phí theo kế hoạch ban đầu. Đến ngày 27/9/2020, bà T vẫn chưa hoàn trả hết số nợ cho Quỹ CCM. Sau khi cân trừ số tiền tiết kiệm hiện Quỹ CCM đang giữ của bà T là 2.400.000 đồng vào số tiền nợ lãi (phí) hiện tại thì bà T còn nợ Quỹ CCM tổng số tiền là 30.480.000 đồng (Ba mươi triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó bao gồm vốn: 30.000.000 đồng; nợ lãi (phí) còn lại: 480.000 đồng. Mặc dù Quỹ CCM đã nhiều lần liên hệ bà Trần Thị Bạch T và ông Đỗ Trần Minh T1 để yêu cầu hoàn trả vốn, phí cho Quỹ CCM nhưng bà T và ông T1 trốn tránh, không có thiện chí hoàn trả vốn, phí cho Quỹ CCM. Do đó, Quỹ trợ vốn X – H Thành phố Hồ Chí Minh khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Bạch T có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền nợ cho Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh với tổng số tiền là 30.480.000 đồng (Ba mươi triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó bao gồm nợ vốn: 30.000.000 đồng, nợ lãi (phí): 480.000 đồng và khoản lãi phát sinh sẽ tính đến thời điểm bà Trần Thị Bạch T thanh toán xong nợ. Trường hợp bà Trần Thị Bạch T không có khả năng trả nợ thì

đề nghị ông Đỗ Trần Minh T1 phải trả nợ thay cho bà T các khoản nợ nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định Quỹ CCM chỉ yêu cầu bà T trả tổng số tiền là 30.480.000 đồng (Ba mươi triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng) cho Quỹ CCM. Ngoài ra Quỹ CCM không yêu cầu bà T trả lãi chậm trả và lãi trên nợ gốc quá hạn.

Bị đơn bà Trần Thị Bạch T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Trần Minh T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà T và ông T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Quỹ trợ vốn X – H Thành phố Hồ Chí Minh khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Bạch T thanh toán tiền nợ vay theo đơn đề nghị trợ vốn, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Trần Thị Bạch T có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Trần Thị Bạch T và ông Đỗ Trần Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào năm 2019 do đó Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Về hình thức hợp đồng: Căn cứ Đơn đề nghị trợ vốn (không ghi ngày tháng năm), Tờ trình xét duyệt trợ vốn ngày 26/9/2019 và Danh sách nhận trợ vốn kèm biên bản bàn giao vốn ngày 27/9/2019 thì giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn có bản chất là hợp đồng vay tài sản có hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Quỹ trợ vốn X – H Thành phố Hồ Chí Minh là tổ chức có tư cách pháp nhân có đại diện hợp pháp xét duyệt trợ vốn và bà Trần Thị Bạch T là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tự nguyện đề nghị giao kết hợp đồng do đó hợp đồng này có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về nơi cư trú của đương sự: Theo kết quả xác minh nơi cư trú tại Phiếu yêu cầu xác minh số 233/TAHBC ngày 18/02/2021 do Công an xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp có nội dung như sau: “*Đương sự Trần Thị Bạch T và Đỗ Trần Minh T1 có hộ khẩu thường trú tại B3/25 ấp 2A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại Trần Thị Bạch T và Đỗ Trần Minh T1 không còn cư trú tại địa chỉ trên, đi đâu không rõ*”.

[6] Tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới*”.

[7] Căn cứ Đơn đề nghị trợ vốn (không ghi ngày tháng năm) của bà T và Danh sách nhận trợ vốn kiêm biên bản bàn giao vốn ngày 27/9/2019 đều thể hiện địa chỉ của bà T tại số B3/25 ấp 2A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Dó đó, theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc bà T và ông T1 bỏ đi nơi khác mà không thông báo cho Quỹ CCM biết địa chỉ nơi cư trú mới là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Trần Thị Bạch T và ông Đỗ Trần Minh T1 theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 178 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, bà T và ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho nên bà T và ông T1 đã tự tước bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 và Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[9] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quỹ trợ vốn X – H Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu bà Trần Thị Bạch T có trách nhiệm hoàn trả cho Quỹ trợ vốn X – H Thành phố Hồ Chí Minh tổng số tiền là 30.480.000 đồng (Ba mươi triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó bao gồm nợ vốn: 30.000.000 đồng, nợ lãi (phí): 480.000 đồng và khoản lãi phát sinh sẽ tính đến thời điểm bà Trần Thị Bạch T thanh toán xong nợ. Trường hợp bà Trần Thị Bạch T không có khả năng trả nợ thì đề nghị ông Đỗ Trần Minh T1 phải trả nợ thay cho bà T các khoản nợ nêu trên.

[10] Căn cứ Đơn đề nghị trợ vốn (không ghi ngày tháng năm) thể hiện bà T có nhu cầu vay vốn là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), thời hạn 12 tháng, phí: 0,65%/tháng, tiết kiệm: 01%/tháng, mục đích đề nghị trợ vốn: mua xe để đi làm.

[11] Căn cứ Danh sách nhận trợ vốn kiêm biên bản bàn giao vốn, đợt trợ vốn ngày 27/9/2019 (số thứ tự 49) có chữ ký của bà T. Hội đồng xét xử có cơ sở xác

định bà Trần Thị Bạch T có vay tiền của Quỹ trợ vốn X - H Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

[12] Tuy nhiên, sau khi nhận vốn từ Quỹ CCM thì bà T không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Quỹ CCM. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định tính đến thời điểm hiện tại bà T còn nợ Quỹ CCM số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng. Đối với tiền lãi (phí) theo theo thuận bà T phải trả cho Quỹ CCM là $30.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} \times (0,65\% + 0,15\%) = 2.880.000 \text{ đồng}$. Nhưng do Quỹ CCM còn giữ số tiền tiết kiệm của bà T từ lần vay trước là 2.400.000 đồng nên Quỹ CCM đã trừ số tiền 2.400.000 đồng vào số tiền lãi (phí) mà hiện bà T còn nợ cho nên số tiền tiền lãi (phí) mà bà T còn nợ lại Quỹ CCM là 480.000 đồng (Bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Đối với số tiền tiết kiệm theo đợt trợ vốn ngày 27/9/2019 thì sau khi bà T nhận trợ vốn từ Quỹ trợ vốn X - H Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bà T không trả tiền vốn, phí và không đóng tiền tiết kiệm cho Quỹ CCM nên Quỹ CCM không còn giữ bất kỳ khoản tiền tiết kiệm nào của bà T.

[13] Căn cứ nội dung cam kết tại Đơn đề nghị trợ vốn (không ghi ngày tháng năm), bà T cam kết nếu để xảy ra nợ trễ, quá hạn thì Quỹ CCM – cấp liên nhiệm được toàn quyền sử dụng tiền lương, các khoản thu nhập khác và phát mãi tài sản đảm bảo (nếu có) để thu hồi nợ. Do vậy, Quỹ CCM trừ số tiền tiết kiệm đang giữ để thu hồi nợ là phù hợp với cam kết của bên vay.

[14] Xét phí trợ vốn và phí cấp liên nhiệm: Tại Điều 3, Điều 5 của Hợp đồng liên kết số 040/2015/HĐLK-BC ngày 17/7/2015 giữa Quỹ trợ vốn X – H Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh B và Hội Liên hiệp phụ nữ xã B, huyện B; Điều 3 và Điều 14 Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ trợ vốn xã viên – Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh (ban hành kèm theo Quyết định số 5779/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) có quy định về việc hoàn vốn và có thu phí.

[15] Căn cứ Đơn đề nghị trợ vốn và Tờ trình xét duyệt trợ vốn ngày 26/9/2019, các bên thỏa thuận phương thức hoàn trả vốn, phí và tiết kiệm (tổng số tiền phải nộp cho Quỹ CCM) đối với loại hình góp tháng như sau: Số tiền trợ vốn + [số tiền trợ vốn x (phí trợ vốn + phí cấp liên nhiệm + tiết kiệm)] x thời hạn trợ vốn (n tháng). Như vậy, hàng tháng bà T phải trả tiền hoàn vốn và tiền phí cho Quỹ CCM.

[16] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác nhận số tiền phí hàng tháng mà bà T thanh toán cho Quỹ CCM bao gồm phí trợ vốn là 0,65%/tháng và phí cấp liên nhiệm là 0,15%/tháng. Theo giải thích của đại diện nguyên đơn thì phí trợ vốn là số tiền trang trải chi phí hoạt động cho Quỹ CCM, phí cấp liên nhiệm là số tiền phục vụ cho quá trình cấp liên nhiệm thu hồi vốn, phí, tiền tiết kiệm cho Quỹ CCM. Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa Quỹ trợ vốn X - H Thành phố Hồ Chí Minh và bà Trần Thị Bạch T xác lập quan hệ cho vay tiền, có thời hạn, có tính lãi hàng tháng do đó bản chất quan hệ giữa Quỹ trợ vốn X – H Thành phố Hồ Chí Minh và bà Trần Thị Bạch T là quan hệ hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Chính vì vậy, số tiền phí hàng tháng là số tiền lãi mà bà T phải trả cho Quỹ CCM.

[17] Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà T làm đơn đề nghị Quỹ CCM trợ vốn và đồng ý với các thỏa thuận, cam kết trong đơn đề nghị trợ vốn nhưng sau khi nhận vốn thì bà T không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ CCM là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đồng thời bà T đã bỏ đi khỏi địa phương mà không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn là việc làm thiếu thiện chí, không T1 thực, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ trợ vốn X – H Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bà Trần Thị Bạch T có trách nhiệm thanh toán cho Quỹ trợ vốn X – H Thành phố Hồ Chí Minh số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi (phí) là 480.000 đồng. Tổng cộng bà T phải thanh toán cho Quỹ trợ vốn X – H Thành phố Hồ Chí Minh số tiền là 30.480.000 đồng (Ba mươi triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

[18] Về yêu cầu buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Trần Minh T1 phải trả nợ thay cho bà T trong trường hợp bà T không có khả năng trả nợ cho Quỹ CCM. Căn cứ vào Đơn đề nghị trợ vốn (không ghi ngày tháng năm) của bà T có nội dung như sau: *“Người có nghĩa vụ trả thay (nếu tôi không trả được) là ông bà Đỗ Trần Minh T1, số CMND /CCCD: 079094006266, Địa chỉ: B2/35 ấp 2A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Quan hệ với người xin trợ vốn: con. Nếu người xin trợ vốn không thực hiện theo cam kết nêu trên, thì người có nghĩa vụ trả thay phải chịu trách nhiệm hoàn trả vốn, phí đầy đủ và đúng hạn cho Quỹ CCM”*. Trong đơn đề nghị trợ vốn có chữ ký xác nhận của ông T1 tại phần người có nghĩa vụ trả thay.

[19] Căn cứ vào các Điều 335, 336, 339 và 342 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông Đỗ Trần Minh T1 sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (bà T) nếu khi đến hạn thanh toán mà bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ CCM. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của Quỹ CCM.

[20] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định Quỹ CCM không yêu cầu bà T thanh toán lãi chậm trả và lãi trên nợ gốc quá hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[21] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; cụ thể bà Trần Thị Bạch T phải chịu án phí là 1.524.000 đồng (Một triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Nguyên đơn Quỹ trợ vốn X - H Thành phố Hồ Chí Minh được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 73, Điều 91, Điều 177, Điều 178, điểm e khoản Điều 192, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 40, 335, 336, 339, 342, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ trợ vốn X - H Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị đơn bà Trần Thị Bạch T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1.1. Buộc bà Trần Thị Bạch T có trách nhiệm trả cho Quỹ trợ vốn X - H Thành phố Hồ Chí Minh số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 30.480.000 đồng (Ba mươi triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó bao gồm nợ gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi là 480.000 đồng (Bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Các bên giao nhận tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ghi nhận sự tự nguyện của Quỹ trợ vốn X - H Thành phố Hồ Chí Minh về việc không yêu cầu bà Trần Thị Bạch T trả lãi chậm trả và lãi trên nợ gốc quá hạn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Quỹ trợ vốn X - H Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Bạch T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Trong trường hợp bà Trần Thị Bạch T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ nêu trên thì ông Đỗ Trần Minh T1 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho bà Trần Thị Bạch T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Trần Thị Bạch T phải chịu 1.524.000 đồng (Một triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho Quỹ trợ vốn X- H Thành phố Hồ Chí Minh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 762.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0080269 ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại

phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- Chi cục THADS H.Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Thị Kim Tuyền